



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

**Kiểm toán** - Audit | **Thuế** - Tax | **Tư vấn** - Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
**(Tên cũ là: CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC GIA LAI)**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Giao Thị Yến	Chủ tịch
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Ông Vũ Hoàn Thiên	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/08/2017)
Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/08/2017)
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Vũ Hoàn Thiên	Giám đốc Tài chính

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
  
Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018



Số: 675/2018/BCKT-IFCHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:           Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai) (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 04 tháng 01 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến một số khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả với giá trị lần lượt là 3.742.035.290 đồng và 707.962.369 đồng.

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh số 35, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.



**Lương Xuân Trường**

**Giám đốc chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2018-072-1

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2018*

**Phạm Thị Toan**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2014-072-1


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2017	05/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.962.225.200</b>	<b>140.193.465.108</b>
<b>I.</b>				
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.988.289.414</b>	<b>126.419.220.029</b>
1. Tiền	111		1.988.289.414	126.419.220.029
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	40.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.186.437.925</b>	<b>6.948.971.052</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	797.857.834	3.615.811.947
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	300.000.000	67.179.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.088.580.091	3.265.980.105
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>8.324.978.129</b>	<b>6.757.289.348</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.324.978.129	6.757.289.348
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>462.519.732</b>	<b>67.984.679</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	60.952.878	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		397.944.614	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.a	3.622.240	67.984.679
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>144.674.373.236</b>	<b>147.195.032.821</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>140.662.335.167</b>	<b>146.518.822.042</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	140.654.163.340	146.508.338.843
- Nguyên giá	222		379.226.475.385	376.810.227.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.572.312.045)	(230.301.888.756)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.171.827	10.483.199
- Nguyên giá	228		48.500.000	48.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.328.173)	(38.016.801)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.544.598.569</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.544.598.569	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.467.439.500</b>	<b>676.210.779</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	1.467.439.500	676.210.779
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>200.636.598.436</b>	<b>287.388.497.929</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2017	05/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.218.439.284</b>	<b>99.508.298.420</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.745.155.270</b>	<b>92.163.280.406</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.873.474.046	429.427.558
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	481.005.000	1.101.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.b	894.691.965	194.050.810
4. Phải trả người lao động	314		-	318.082.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	25.000.000	491.096.101
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	221.674.119	89.347.411.336
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.241.734.000	1.369.234.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.576.140	12.876.140
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.473.284.014</b>	<b>7.345.018.014</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	6.473.284.014	7.345.018.014
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.418.159.152</b>	<b>187.880.199.509</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>186.418.159.152</b>	<b>187.880.199.509</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.880.199.509	7.880.199.509
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.462.040.357)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.462.040.357)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>200.636.598.436</b>	<b>287.388.497.929</b>

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

  
Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 05/01/2017	Từ 05/01/2016
			đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>41.007.426.935</b>	<b>42.886.340.336</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	10.977.273	555.455
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>40.996.449.662</b>	<b>42.885.784.881</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	23	37.248.777.287	37.546.254.166
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.747.672.375</b>	<b>5.339.530.715</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.119.753.907	123.100.589
7. Chi phí tài chính	22	25	81.426.343	107.001.694
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	52.126.989	107.001.694
8. Chi phí bán hàng	25	26	1.212.297.744	425.838.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.343.282.481	2.432.877.279
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>(1.769.580.286)</b>	<b>2.496.914.266</b>
11. Thu nhập khác	31	28	510.312.082	489.928.389
12. Chi phí khác	32	29	202.772.153	12.787.167
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>307.539.929</b>	<b>477.141.222</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.462.040.357)</b>	<b>2.974.055.488</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	603.669.139
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.462.040.357)</b>	<b>2.370.386.349</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>(81)</b>	<b>-</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng





Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.462.040.357)	2.974.055.488
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.272.734.661	6.089.477.429
Các khoản dự phòng	03	-	(782.591.046)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.119.753.907)	(123.100.589)
Chi phí lãi vay	06	52.126.989	107.001.694
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.743.067.386	8.264.842.976
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	2.354.791.875	557.763.111
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.567.688.781)	985.117.718
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.986.344.975	(3.066.130.829)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(852.181.599)	48.089.914
Tiền lãi vay đã trả	14	(52.126.989)	(107.001.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(116.031.339)	(706.611.255)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.300.000)	(422.714.413)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.490.875.528</b>	<b>5.553.355.528</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.815.966.082)	(1.574.279.845)
2. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	609.944.323	123.100.589
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(44.206.021.759)</b>	<b>(1.451.179.256)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	121.222.780.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(86.716.550.384)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	570.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.569.234.000)	(1.659.234.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(87.715.784.384)</b>	<b>119.563.546.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(124.430.930.615)</b>	<b>123.665.722.272</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>126.419.220.029</b>	<b>2.644.653.401</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>1.988.289.414</b>	<b>126.310.375.673</b>

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

  
Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Vinh Bình  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và các lần thay đổi. Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 180.000.000.000 VND, được chia thành 18.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (“Công ty SII”). Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 117 (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017: 123).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; thi công, lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước; sản xuất và kinh doanh nước khoáng, nước đóng chai tinh khiết; bán buôn đồ uống không cồn, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; giám sát các công trình cấp thoát nước; thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp; khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai thành Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, đây là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí trả trước** (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Doanh thu** (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	313.468.240	14.895.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.674.821.174	126.404.324.945
<b>Cộng</b>	<b>1.988.289.414</b>	<b>126.419.220.029</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (i)	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (ii)	38.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i): Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn sáu (06) tháng và hưởng lãi suất 5,3%/năm.

(ii): Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn sáu (06) tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại Pleiku	649.736.988	2.471.152.556
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại Ayunpa	146.939.681	800.414.721
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.181.165	344.244.670
<b>Cộng</b>	<b>797.857.834</b>	<b>3.615.811.947</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Huệ Anh	300.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán	-	66.000.000
Công ty TNHH TM & DV Mã Việt	-	1.179.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>67.179.000</b>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Phải thu lại tiền thuê đất đã nộp thuộc phần vốn nhà nước	1.356.861.556	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	509.809.584	-
Tạm ứng cho nhân viên	93.903.040	38.000.806
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.105.414.459	3.168.934.956
Phải thu Ban Quản lý dự án ADB	-	35.223.142
Phải thu khác	2.591.452	23.821.201
	<b>4.088.580.091</b>	<b>3.265.980.105</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.290.748.818	-	6.716.934.866	-
Công cụ, dụng cụ	34.229.311	-	40.354.482	-
<b>Cộng</b>	<b>8.324.978.129</b>	<b>-</b>	<b>6.757.289.348</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	60.952.878	-
<b>Cộng</b>	<b>60.952.878</b>	<b>-</b>
<b>a) Dài hạn</b>		
Chi phí thay đồng hồ miễn phí cho khách hàng	1.006.909.022	-
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	281.969.598	217.764.631
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	138.996.649	392.738.970
Chi phí trả trước dài hạn khác	39.564.231	65.707.178
<b>Cộng</b>	<b>1.467.439.500</b>	<b>676.210.779</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia LaiMẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 05/01/2017	95.421.122.521	91.029.705.826	190.089.450.343	269.948.909	376.810.227.599
Mua trong kỳ	-	85.500.000	-	143.350.000	228.850.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	356.103.000	1.831.294.786	-	2.187.397.786
Phân loại lại tài sản trong kỳ	-	90.000.000	-	-	90.000.000
Phân loại lại tài sản trong kỳ	(90.000.000)	-	-	-	(90.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>95.331.122.521</b>	<b>91.561.308.826</b>	<b>191.920.745.129</b>	<b>413.298.909</b>	<b>379.226.475.385</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 05/01/2017	52.213.919.852	63.428.208.747	114.453.912.267	205.847.890	230.301.888.756
Khấu hao trong kỳ	2.536.067.311	1.438.362.966	4.254.068.190	41.924.822	8.270.423.289
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>54.749.987.163</b>	<b>64.866.571.713</b>	<b>118.707.980.457</b>	<b>247.772.712</b>	<b>238.572.312.045</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 05/01/2017	43.207.202.669	27.601.497.079	75.635.538.076	64.101.019	146.508.338.843
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>40.581.135.358</b>	<b>26.694.737.113</b>	<b>73.212.764.672</b>	<b>165.526.197</b>	<b>140.654.163.340</b>

Công ty đã sử dụng xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA, số loại CX5 25G AT AWD để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 898.608.174 VND (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017 là 1.564.199.912 VND)

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.794.735.113 VND (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017 là 2.742.239.886 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 05/01/2017	48.500.000	48.500.000
Tăng trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>48.500.000</b>	<b>48.500.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 05/01/2017	38.016.801	38.016.801
Khấu hao trong kỳ	2.311.372	2.311.372
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>40.328.173</b>	<b>40.328.173</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 05/01/2017	10.483.199	10.483.199
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>8.171.827</b>	<b>8.171.827</b>

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Dự án thi công lắp đặt tuyến ống HDPE D315 đường Chu Mạnh Trinh - Hùng Vương (i)	2.224.390.780	-
Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Pleiku	176.480.886	-
Các dự án thay thế hệ thống cấp nước, van giảm áp khác	143.726.903	-
<b>Cộng</b>	<b>2.544.598.569</b>	<b>-</b>

(i): Dự án được thực hiện tại đường Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.968.222.000 VND. Dự án dự kiến sẽ đưa vào vận hành, khai thác từ quý 1 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		05/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Lotas Tổng công ty Đầu tư nước & Môi trường Việt Nam	1.027.500.628	1.027.500.628	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thủy Phát Đạt	212.621.528	212.621.528	412.621.558	412.621.558
Công ty TNHH TM & KT Trương Nguyệt	649.687.500	649.687.500	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	877.800.000	877.800.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	628.551.133	628.551.133	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.477.313.257</b>	<b>1.477.313.257</b>	<b>16.806.000</b>	<b>16.806.000</b>
	<b>4.873.474.046</b>	<b>4.873.474.046</b>	<b>429.427.558</b>	<b>429.427.558</b>

Trong đó: Phải trả người bán là  
các bên liên quan  
(chi tiết tại Thuyết minh số 33 -  
các bên liên quan)

	374.263.310	374.263.310	-	-
--	-------------	-------------	---	---

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Pleiku	481.005.000	1.101.980
<b>Cộng</b>	<b>481.005.000</b>	<b>1.101.980</b>

(i) Đây là khoản tiền Công ty đã nhận trước theo hợp đồng thi công xây dựng số 45/2017/HĐ-XD về việc di dời hệ thống nước sinh hoạt tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	05/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2017 VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	67.984.679	2.369.319.265	2.301.334.586	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.622.240	3.622.240
<b>Cộng</b>	<b>67.984.679</b>	<b>2.369.319.265</b>	<b>2.304.956.826</b>	<b>3.622.240</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.409.099	-	112.409.099	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.232.616	92.431.706	48.576.991	66.087.331
Thuế tài nguyên	20.239.238	154.821.818	159.806.672	15.254.384
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.637.987.969	3.153.529.907	484.458.062
Thuế bảo vệ môi trường	2.843.857	3.417.609.629	3.137.203.362	283.250.124
Các loại thuế khác	36.326.000	231.622.653	222.306.589	45.642.064
<b>Cộng</b>	<b>194.050.810</b>	<b>7.534.473.775</b>	<b>6.833.832.620</b>	<b>894.691.965</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Phí dịch vụ kiểm toán	25.000.000	90.000.000
Phí nước thô	-	401.096.101
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>491.096.101</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Phải nộp ngân sách nhà nước (Dự án ADB)	150.190.721	185.413.863
Tiền ký quỹ nhân viên phòng kinh doanh	50.000.000	-
Phải trả cho SCIC về cổ phần hóa	-	89.068.876.525
Kinh phí công đoàn	-	49.618.808
Các khoản phải trả khác	21.483.398	43.502.140
	<b>221.674.119</b>	<b>89.347.411.336</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**

02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,

Tỉnh Gia Lai

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		Phát sinh trong kỳ		05/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	7.145.018.014	7.145.018.014	-	1.099.234.000	8.244.252.014	8.244.252.014
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (ii)	570.000.000	570.000.000	570.000.000	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	470.000.000	470.000.000	470.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.241.734.000)	(1.241.734.000)	-	-	(1.369.234.000)	(1.369.234.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.473.284.014</b>	<b>6.473.284.014</b>	<b>570.000.000</b>	<b>1.569.234.000</b>	<b>7.345.018.014</b>	<b>7.345.018.014</b>

(i) Đây là số dư nợ vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Gia Lai về việc sử dụng Khoản vay số 1361 VIE (SF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án Nâng cấp và cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã ký ngày 15 tháng 9 năm 1995 và các phụ lục bổ sung, tổng giá trị khoản vay là 164.488.497.014 VND, lãi suất cho vay 0%/năm.

(ii) Đây là số dư nợ vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, hạn mức cho vay 570.000.000 VND, mục đích vay đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA (số loại CX5 25G AT AWD), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 9,7%/năm có định trong bốn năm tính từ ngày giải ngân. Công ty đã sử dụng tài sản là chính chiếc xe ô tô con để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.241.734.000	1.369.234.000
Trong năm thứ hai	1.241.734.000	1.299.234.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.582.702.000	3.297.702.000
Sau năm năm	1.648.848.014	2.748.082.014
	<b>7.715.018.014</b>	<b>8.714.252.014</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.241.734.000)	(1.369.234.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.473.284.014</b>	<b>7.345.018.014</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>82.141.786.168</b>	-	-	<b>67.280.720.946</b>	<b>2.538.621.924</b>	<b>151.961.129.038</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.370.386.349	2.370.386.349		
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.970.925.290)	(2.970.925.290)		
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>82.141.786.168</b>	-	-	<b>67.280.720.946</b>	<b>1.938.082.983</b>	<b>151.360.590.097</b>		
Tăng vốn khi cổ phần hóa	97.858.213.832	7.880.199.509	-	(67.280.720.946)	(1.828.020.620)	36.629.671.775		
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(1.572.102.720)	(1.572.102.720)		
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>7.880.199.509</b>	-	-	<b>(1.462.040.357)</b>	<b>186.418.159.152</b>		

**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2017		05/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	46,78%	84.209.000.000	46,78%	84.209.000.000
Các Cổ đông khác	2,22%	3.991.000.000	2,22%	3.991.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**Cổ phần**

	31/12/2017	05/01/2017
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đủ	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>18.000.000</i>	<i>18.000.000</i>
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>18.000.000</i>	<i>18.000.000</i>
Mệnh giá cổ phần: 10.000VND/cổ phần		

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp nước sạch	35.633.027.793	37.322.415.006
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.374.399.142	5.563.925.330
<b>Cộng</b>	<b>41.007.426.935</b>	<b>42.886.340.336</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	<u>(10.977.273)</u>	<u>(555.455)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>40.996.449.662</b>	<b>42.885.784.881</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn cung cấp nước sạch	32.815.452.088	32.526.370.152
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	4.433.325.199	5.019.884.014
<b>Cộng</b>	<b>37.248.777.287</b>	<b>37.546.254.166</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.119.753.907	123.100.589
<b>Cộng</b>	<b>1.119.753.907</b>	<b>123.100.589</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	52.126.989	107.001.694
Phí quản lý khi vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	15.972.474	-
Phí ngân hàng	13.326.880	-
<b>Cộng</b>	<b>81.426.343</b>	<b>107.001.694</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên	1.164.323.926	425.838.065
Các khoản chi phí khác	47.973.818	-
<b>Cộng</b>	<b>1.212.297.744</b>	<b>425.838.065</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.845.942.070	802.966.105
Chi phí khấu hao	812.611.609	175.923.328
Thuế, phí và lệ phí	511.213.002	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.014.674.917	-
Chi phí bằng tiền khác	158.840.883	1.453.987.846
<b>Cộng</b>	<b>5.343.282.481</b>	<b>2.432.877.279</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Nguyên vật liệu hư hỏng xuất bán	182.996.364	26.384.866
5% phí bảo vệ môi trường được để lại	179.874.248	93.058.138
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	87.272.728	95.454.545
Tiền điện khí cho thuê nhà xưởng	37.861.903	-
Cho thuê mặt bằng đặt máy ATM	14.772.727	27.272.728
Tiền cắt mở nước	1.320.000	14.883.636
Các khoản thu nhập khác	6.214.112	232.874.476
<b>Cộng</b>	<b>510.312.082</b>	<b>489.928.389</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA-LAI**02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn nguyên vật liệu hư hỏng xuất bán	123.237.692	-
Phạt vi phạm hành chính	22.200.000	-
Tiền điện khí cho thuê nhà xưởng	15.241.151	-
Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	39.117.516	12.787.167
Các khoản chi phí khác	2.975.794	-
<b>Cộng</b>	<b>202.772.153</b>	<b>12.787.167</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(1.462.040.357)	2.974.055.488
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	219.815.088	44.290.205
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.242.225.269)</b>	<b>3.018.345.693</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	603.669.139
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>603.669.139</b>

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế của Cổ đông của Công ty	(1.462.040.357)
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ đông Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.462.040.357)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(81)</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.447.356.452	9.867.655.893
Chi phí nhân công	10.443.683.023	10.663.767.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.272.734.661	6.160.420.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.378.051.062	14.081.186.808
Chi phí khác bằng tiền	566.207.511	1.438.097.268
<b>Cộng</b>	<b>43.108.032.709</b>	<b>42.211.127.341</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	Công ty trong cùng tập đoàn

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku</b>		
Mua nước sạch	11.439.121.680	-
Phí kiểm nghiệm nước	36.432.000	-
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro</b>		
Mua tủ điện biến tần 22KW	85.500.000	-
Mua tủ điện điều khiển	348.803.000	-
<b>Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á</b>		
Mua van giảm áp D250	191.020.470	-
Mua đồng hồ nước	96.077.273	-

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	268.578.310	-
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	105.685.000	-

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.195.765.554

**34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

